

Wuy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi,
bổ sung lĩnh vực địa chất và khoáng sản, lĩnh vực thú y thuộc phạm vi
chức năng của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực địa chất và khoáng sản và Quyết định số 1325/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 282/TTr-SNNMT ngày 17/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực địa chất và khoáng sản, lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026 của

Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 1325/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định. Xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - BTP;
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND TP;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCC, NN&MT;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Cường

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
I	LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN						
1	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	(1) Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra	(1) Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Luật Địa chất và Khoáng sản. - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025. - <i>Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</i>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<p>hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 12 ngày làm việc).</p> <p>- Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận</p>	<p>hồ sơ: 1,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 30,5 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 06 ngày làm việc).</p> <p>- Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận</p>			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<p>được hồ sơ trình phê duyệt.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p> <p>(2) Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản</p> <p>- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra</p>	<p>được hồ sơ trình phê duyệt.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p> <p>(2) Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản</p> <p>- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra</p>			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<p>hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p> <p><i>(3) Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm IV</i></p> <p>- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: Không quy định.</p>	<p>hồ sơ: 1,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p> <p><i>(3) Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm IV</i></p> <p>- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: Không quy định.</p>			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<p>- Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p>	<p>- Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p>			
2	1.014281	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay	(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	Không quy định	<p>- Luật Địa chất và Khoáng sản.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản.</p> <p>- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025.</p> <p>- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026.</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định	đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 1,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định			- Thông tư số 36/2025/TT-BTNMT ngày 02/7/2025. - Thông tư số 39/2025/TT-BTNMT ngày 02/7/2025. - <i>Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT</i> ngày 16/01/2026.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			(trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc). - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt. - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. (2) Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề	(trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 2,5 ngày làm việc). - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt. - Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. (2) Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<p>nghị thay đổi tên tổ chức, cá nhân</p> <p>- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định và ra quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p>	<p>nghị thay đổi tên tổ chức, cá nhân</p> <p>- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định và ra quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p>			
3	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1	(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Luật Địa chất và Khoáng sản. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản. - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<p>Điều 75 của Luật Địa chất và Khoáng sản</p> <p>- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 31 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định).</p> <p>- Thời hạn xem xét, quyết định:</p>	<p>Điều 75 của Luật Địa chất và Khoáng sản</p> <p>- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định).</p> <p>- Thời hạn xem xét, quyết định:</p>			<p>- Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026.</p> <p>- Thông tư số 36/2025/TT-BTNMT ngày 02/7/2025.</p> <p>- Thông tư số 39/2025/TT-BTNMT ngày 02/7/2025.</p> <p>- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<p>07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p> <p>(2) Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các</p>	<p>03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p> <p>(2) Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các</p>			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<p>điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và Khoáng sản</p> <p>- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p> <p>(3) Thuộc một trong các trường hợp sau: (i) Tô chức, cá nhân</p>	<p>điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và Khoáng sản</p> <p>- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p> <p>(3) Thuộc một trong các trường hợp sau: (i) Tô chức, cá nhân</p>			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			(đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 16/01/2026) đề nghị sử dụng khoáng sản là khối lượng tài nguyên nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác mà bắt buộc phải khai đào, bóc xúc mới thì công được công trình khai thác mỏ; (ii) Tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng khoáng sản đã khai thác, thu hồi trong phạm vi ranh giới, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu	(đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 16/01/2026) đề nghị sử dụng khoáng sản là khối lượng tài nguyên nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác mà bắt buộc phải khai đào, bóc xúc mới thì công được công trình khai thác mỏ; (ii) Tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng khoáng sản đã khai thác, thu hồi trong phạm vi ranh giới, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			tư khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản và đang được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật số 147/2025/QH15 - Thời hạn tiếp nhận và thẩm định hồ sơ: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân. - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.	khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản và đang được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật số 147/2025/QH15 - Thời hạn tiếp nhận và thẩm định hồ sơ: 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân. - Thời hạn xem xét, quyết định: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			- Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	- Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.			
4	1.014466	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm I có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; khoáng sản nhóm II - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy	(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm I có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; khoáng sản nhóm II - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 36,5 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT):	- Luật Địa chất và Khoáng sản. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản. - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025. - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026. - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024. - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<p>định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc).</p> <p>- Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết</p> <p>(2) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công</p>	<p>định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 10,5 ngày làm việc).</p> <p>- Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết</p> <p>(2) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công</p>		<p>- Đến 01 tỷ đồng: 10 triệu đồng.</p> <p>- Trên 01 đến 10 tỷ đồng: 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng).</p> <p>- Trên 10 đến 20 tỷ đồng: 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng).</p> <p>- Trên 20 tỷ đồng: 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)</p>	<p>- Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<p>nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà không phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật</p> <p>- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ</p>	<p>nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà không phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật</p> <p>- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ</p>			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<p>sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc).</p> <p>- Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p> <p>(3) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng</p>	<p>sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 10,5 ngày làm việc).</p> <p>- Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p> <p>(3) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng</p>			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<p>sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật</p> <p>- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 31 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian</p>	<p>sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật</p> <p>- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 28 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian</p>			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc). - Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt. - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết	thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 10,5 ngày làm việc). - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt. - Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết			
II LĨNH VỰC THÚ Y							
1	1.011475	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh	14 ngày	10 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành	Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
		theo yêu cầu của nước nhập khẩu)			chính công cấp xã		<p>điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y (gọi tắt là Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020). - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật (gọi tắt là Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022).

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							<p>- Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y (gọi tắt là Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025).</p> <p>- <i>Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2022/TT - BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về</i></p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							<i>Cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật (gọi tắt là Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026).</i>
2	1.011477	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	3,5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	300.000 đồng/lần	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020. - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022. - Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - <i>Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026.</i>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
3	1.011478	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	21 ngày	15 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Phí thẩm định: 3.500.000 đồng/lần	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020. - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022. - Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - <i>Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026.</i>
4	1.011479	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ	03 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Phí thẩm định: 3.500.000 đồng/lần	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015. - Luật số 146/2025/QH15 sửa

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
		vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020. - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022. - Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - <i>Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026.</i>

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
I	LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN						
1	1.014258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và Khoáng sản - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 31 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (Trường	(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và Khoáng sản - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 16 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Luật Địa chất và Khoáng sản. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản. - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025. - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026. - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025. - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025. - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<p>hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định).</p> <p>- Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p> <p>(2) Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề</p>	<p>hồ sơ (Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định).</p> <p>- Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p> <p>(2) Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà</p>			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<p>nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và Khoáng sản</p> <p>- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả: 03 ngày</p>	<p>thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và Khoáng sản</p> <p>- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công.</p>			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.	- Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.			